

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ NGỌC

**VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số: 60 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TS. HOÀNG THỊ KIM QUẾ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ	5
1.1. Khái niệm về văn hóa, văn hóa pháp luật và các thành tố của văn hóa pháp luật	5
1.1.1. Khái niệm về văn hóa	5
1.1.2. Khái niệm về văn hóa pháp luật	7
1.1.3. Các thành tố của văn hóa pháp luật	9
1.2. Các cấp độ và phân loại văn hóa pháp luật	14
1.2.1. Các cấp độ văn hóa pháp luật	14
1.2.2. Phân loại văn hóa pháp luật	15
1.3. Chức năng, đặc điểm của văn hóa pháp luật	16
1.3.1. Chức năng của văn hóa pháp luật	16
1.3.2. Đặc điểm của văn hóa pháp luật	23
1.4. Văn hóa pháp luật của luật sư	24
1.4.1. Khái niệm Luật sư	24
1.4.2. Khái niệm văn hóa pháp luật của luật sư	27
1.4.3. Đặc trưng văn hóa pháp luật của Luật sư	30
1.4.4. Các thành tố của văn hóa pháp luật của Luật sư	37
1.5. Ý nghĩa của văn hóa pháp luật của luật sư trong hoạt động hành nghề luật sư	42
1.6. Những yếu tố tác động đến văn hóa pháp luật của luật sư	44

1.7. So sánh đặc điểm văn hóa pháp luật của Luật sư với văn hóa pháp luật của Thẩm phán, Kiểm sát viên	50
Chương 2: THỰC TRẠNG VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM.....	54
2.1. Tình hình văn hóa pháp luật của Luật sư ở Việt Nam	54
2.2. Thực trạng các giá trị vật thể về văn hóa pháp luật của Luật sư trong hoạt động hành nghề.....	59
2.2.1. Hệ thống pháp luật về luật sư và những quy định về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.....	59
2.2.2. Cách thức tổ chức một tổ chức hành nghề luật sư	64
2.2.3. Trang phục luật sư	67
2.3. Thực trạng các giá trị phi vật thể về văn hóa pháp luật của Luật sư trong hoạt động hành nghề.....	68
2.4. Thực trạng văn hóa pháp luật của Luật sư ở một số quốc gia.....	71
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ Ở NƯỚC TƯ HIỆN NAY.....	75
3.1. Quan điểm xây dựng văn hóa pháp luật của Luật sư.....	75
3.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp	75
3.1.2. Yêu cầu thực tiễn hành nghề luật sư.....	77
3.1.3. Yêu cầu hội nhập quốc tế.....	82
3.2. Những giải pháp cơ bản xây dựng văn hóa pháp luật của Luật sư.....	84
3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về luật sư	84
3.2.2. Xây dựng ý thức pháp luật, ý thức đạo đức cho luật sư	86
3.2.3. Xây dựng bản lĩnh nghề nghiệp luật sư trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân	89
3.2.4. Giáo dục ý thức chính trị, tư tưởng cho Luật sư	91
3.2.5. Một số giải pháp cụ thể khác	92
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Nghề luật sư là nghề góp phần duy trì công lý, bảo vệ pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức. Do đó đòi hỏi luật sư phải có trình độ chuyên môn cao cũng như văn hoá pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong sáng.

Văn hóa pháp luật của luật sư ở Việt Nam hiện nay đang tồn tại một lỗ hổng lớn, không chỉ bởi thiếu tính chuyên nghiệp, mà còn do gốc rễ nằm trong quan niệm chưa đúng về chức năng xã hội của luật sư, một số luật sư còn nặng chạy theo dịch vụ, xa rời các chuẩn mực pháp lý, đạo đức và kỷ luật nghề nghiệp... Thậm chí, đã xảy ra một số trường hợp có một số luật sư vi phạm pháp luật, bị khởi tố về mặt hình sự do hành vi lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân, pháp nhân, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và vị trí của người luật sư trong xã hội.

Chủ trương và đường lối của Đảng và Nhà nước ta xây dựng đội ngũ luật sư thể hiện trong Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đặc biệt, triển khai Quyết định 123/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2012 đến năm 2020.

Trước yêu cầu rất cần thiết và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự tiến bộ xã hội. Việc nghiên cứu và xây dựng văn hoá pháp luật của luật sư đã và đang đặt ra hàng loạt nhiệm vụ hết sức cấp thiết nhằm xây dựng, củng cố và hoàn thiện các chân giá trị luật sư đáp ứng đòi hỏi của cải cách tư pháp và bảo vệ quyền con người.

Vì những lý do trên, tôi chọn đề tài **“Văn hóa pháp luật của luật sư ở Việt Nam”** để thực hiện luận văn thạc sỹ của mình.

2. Mục tiêu, ý nghĩa nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn vấn đề văn hóa pháp luật của luật sư.

- Luận văn có giá trị tham khảo cho việc hoạch định chính sách và pháp luật về luật sư; có thể làm tài liệu nghiên cứu khoa học, tài liệu giảng dạy và học tập trong các nhà trường...

3. Tính mới và những đóng góp của đề tài

Trên thế giới, nghề luật sư và văn hóa pháp luật của luật sư xuất hiện từ lâu đời, được trình bày thông qua các công trình nghiên cứu, tác phẩm khoa học... khác nhau; dưới nhiều góc độ cũng như phương pháp và cách thức tiếp cận khác nhau.

Ở Việt Nam, nghề luật sư xuất hiện khá muộn nhưng vai trò, vị thế của luật sư đang dần được xã hội công nhận và tôn vinh. Vì vậy, trong những năm gần đây có rất nhiều học giả và nhiều bài viết, công trình nghiên cứu về luật sư và nghề luật sư rất đa dạng và phong phú, đặc biệt là nghiên cứu về Văn hóa pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của luật sư.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, chưa có tác giả nào nghiên cứu về “Văn hóa pháp luật của luật sư ở Việt Nam” được trình bày dưới dạng luận văn thạc sỹ, nghiên cứu sinh.

Luận văn sẽ hệ thống được cơ sở lý luận Văn hóa pháp luật của luật sư; nêu nên thực trạng Văn hóa pháp luật của luật sư ở Việt Nam hiện nay và so sánh với một số quốc gia trên thế giới; đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện các giá trị văn hóa pháp luật đặc trưng của luật sư đậm tính dân tộc Việt Nam...

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trong đề tài là nghiên cứu về luật sư và nghề luật sư; nghiên cứu về tổ chức xã hội nghề nghiệp của luật sư và các quan hệ ứng xử của luật sư trong hoạt động nghề nghiệp...

1.5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Phương pháp phân tích tổng hợp; Phương pháp lịch sử; Phương pháp so sánh; Phương pháp thống kê...

6. Kết cấu luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về văn hóa pháp luật của luật sư.

Chương 2: Thực trạng văn hóa pháp luật của luật sư ở Việt Nam.

Chương 3: Quan điểm và giải pháp xây dựng văn hóa pháp luật của luật sư ở nước ta hiện nay.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ

1.1. Khái niệm về văn hóa, văn hóa pháp luật và các thành tố của văn hóa pháp luật

1.1.1. Khái niệm về văn hóa

Văn hóa là bao gồm tất cả những sản phẩm của con người, và như vậy, văn hóa bao gồm cả hai khía cạnh: khía cạnh phi vật chất của xã hội như ngôn ngữ, tư tưởng, giá trị và các khía cạnh vật chất như nhà cửa, quần áo, các phương tiện, v.v... Cả hai khía cạnh cần thiết để làm ra sản phẩm và đó là một phần của văn hóa.

Cho đến nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa, mỗi nhà khoa học đưa ra một khái niệm văn hóa khác nhau. Từ điển tiếng Việt thì đưa ra một loạt quan niệm về văn hóa:

- Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử; Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên xã hội; Văn hóa là những hoạt động của con người nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống tinh thần; Văn hóa là tri thức, kiến thức khoa học; Văn hóa là trình độ cao trong sinh hoạt xã hội, biểu hiện của văn minh; Văn hóa còn là cụm từ để chỉ một nền văn hóa của một thời kỳ lịch sử cổ xưa, được xác định trên cơ sở một tổng thể những di vật có những đặc điểm giống nhau, ví dụ Văn hóa Hòa Bình, Văn hóa Đông Sơn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ năm 1942, đã đưa ra một định nghĩa về văn hóa:

Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự tinh tồn.

Như vậy, dù khái niệm văn hóa được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau thì tựu chung lại có thể thấy rằng: Văn hóa là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song, chính văn hóa lại tham gia vào việc tạo nên con người, và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà do con người tạo ra. Văn hóa là tất cả những giá trị vật thể do con người sáng tạo ra trên nền của thế giới tự nhiên.

1.1.2. Khái niệm về văn hóa pháp luật

Văn hóa pháp luật là thuật ngữ dùng để mô tả mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa các giá trị pháp luật và các giá trị về văn hóa, là tổng thể các hoạt động hàm chứa các giá trị pháp luật được hình thành trên cơ sở trí thức pháp luật, lòng tin, tình cảm đối với pháp luật và hành vi pháp lý thực tiễn.

Theo quan điểm của TS Phạm Duy Nghĩa thì *“văn hóa pháp luật là một cách nhìn về luật pháp, đặt pháp luật trong những tương quan đa chiều với khoa học hành vi, cách nghĩ, cách ứng xử, tôn giáo, niềm tin, các đặc tính nhân học của các cộng đồng và tộc người”*.

Một quan điểm khác của GS.TS Hoàng Thị Kim Quế thì: Văn hóa pháp luật là hệ thống các yếu tố vật chất và tinh thần thuộc hệ thống tác động của pháp luật được thể hiện trong ý chí và hành vi của con người... Văn hóa pháp luật thể hiện ở trình độ cao của sự tôn trọng pháp luật, trình độ tri thức pháp luật của nhân dân; thực trạng có chất lượng của quá trình lập pháp và thực hiện pháp luật, các phương thức hoạt động pháp luật đặc thù như của các cơ quan pháp luật, kiểm tra hiến pháp...; kết quả của hoạt động pháp luật dưới dạng sản phẩm tinh thần và vật chất do con người xây dựng như luật, hệ thống lập pháp, thực tiễn tư pháp và hành pháp.

Từ những phân tích trên có thể định nghĩa văn hóa pháp luật như sau: *“Văn hóa pháp luật là những giá trị do con người sáng tạo ra trong lĩnh*

vực pháp luật, bao gồm: ý thức pháp luật, hệ thống pháp luật và hành vi thực hiện, áp dụng pháp luật. Văn hóa pháp luật thể hiện ở ý thức pháp luật cao, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, tiến bộ, hành vi thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật hợp pháp”.

1.1.3. Các thành tố của văn hóa pháp luật

Văn hóa pháp luật là một bộ phận của nền văn hóa nói chung, là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần được con người sáng tạo ra trong lĩnh vực pháp luật.

Những yếu tố cấu thành văn hóa pháp luật nên được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm:

1.1.3.1. Ý thức pháp luật (bao gồm tri thức pháp luật và tình cảm pháp luật)

Ý thức pháp luật là một bộ phận của ý thức, thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần của con người.

1.1.3.2. Hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp luật là tổng thể các qui phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản do nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục và hình thức nhất định.

1.1.3.3. Hành vi thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật của các chủ thể

Hành vi của con người là hành vi có ý thức, thể hiện năng lực cá nhân đặt ra trước những mục đích, lựa chọn phương thức thực hiện và dự liệu được kết quả và hậu quả của hành vi đó.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định: “*Văn hóa pháp luật của các nước khác nhau có những đặc điểm khác nhau, trình độ phát triển khác nhau, nhưng đều giống nhau ở chỗ là được cấu thành bởi ba nội dung cơ bản là: ý thức pháp luật, hệ thống pháp luật và các thiết chế pháp luật, hành vi thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật. Ba yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau*”.

1.2. Các cấp độ và phân loại văn hóa pháp luật

1.2.1. Các cấp độ văn hóa pháp luật.

Các cấp độ đó bao gồm: văn hóa pháp luật thông thường, văn hóa pháp luật lý luận và văn hóa pháp luật nghề nghiệp.

Văn hóa pháp luật thông thường: được hiểu là mức độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, thông qua sự phản ánh trực tiếp, giản đơn về các hiện tượng pháp luật.

Văn hóa pháp luật lý luận: được hiểu là trình độ nhận thức cao, có hệ thống và sâu sắc về các vấn đề có tính bản chất của pháp luật và các hiện tượng pháp luật.

Văn hóa pháp luật nghề nghiệp: là văn hóa pháp luật của các luật gia, luật sư và các nhà chức trách mà nghề nghiệp có liên quan đến việc hoạch định. Văn hóa pháp luật nghề nghiệp là sự kết hợp hài hòa của những yếu tố tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật.

1.2.2. Phân loại văn hóa pháp luật

1.2.2.1. Phân loại theo chủ thể: gồm văn hóa pháp luật của cá nhân, văn hóa pháp luật nhóm và văn hóa pháp luật xã hội

- *Văn hóa pháp luật của cá nhân*: thể hiện những quan điểm, tư tưởng, tâm lý, tình cảm, thái độ của mỗi người về pháp luật và các cơ quan pháp luật.

- *Văn hóa pháp luật nhóm*: nhóm ở đây được hiểu là một nhóm người hay một tầng lớp có những điểm chung tương đồng về điều kiện làm việc và sinh hoạt, mục đích, nhu cầu và lợi ích...

- *Văn hóa pháp luật xã hội*: được hiểu là những giá trị văn hóa pháp luật đã được thừa nhận rộng rãi và thực thi trên toàn xã hội. Văn hóa pháp luật xã hội thể hiện tích đặc trưng và khái quát cao.

1.2.2.2. Phân loại theo lĩnh vực hoạt động: bao gồm văn hóa lập pháp, văn hóa hành pháp và văn hóa tư pháp

1.2.2.3. Phân loại theo phạm vi tác động: có thể kể đến văn hóa pháp luật ở trường học, văn hóa pháp luật ở tòa án, văn hóa pháp luật ở các cơ quan hành chính sự nghiệp...

1.3. Chức năng, đặc điểm của văn hóa pháp luật

1.3.1. Chức năng của văn hóa pháp luật

Văn hóa pháp luật mang đầy đủ những chức năng của văn hóa trong một lĩnh vực đặc biệt – lĩnh vực pháp luật. Vì thế, văn hóa pháp luật cũng mang những chức năng chung của văn hóa.

- *Chức năng nhận thức*: đây là chức năng đầu tiên và quan trọng của văn hóa pháp luật. Văn hóa pháp luật nếu thiếu chức năng nhận thức thì không thể đề cập đến chức năng nào khác.

- *Chức năng định hướng*: Văn hóa pháp luật bao gồm những giá trị về mặt vật chất và tinh thần.

- *Chức năng giáo dục*: giáo dục và môi trường giáo dục luôn là những yếu tố quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người.

Nói đến chức năng giáo dục của văn hóa pháp luật là nói tới sự định hướng văn hóa cho hành vi pháp luật của con người.

- *Chức năng phản ánh thực tiễn*: Pháp luật luôn luôn phải gắn liền với thực tiễn, với các qui luật của sự vận động và phát triển trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội.

1.3.2. Đặc điểm của văn hóa pháp luật

Văn hóa pháp luật có các đặc điểm của văn hóa nói chung, các đặc điểm riêng của mình và luôn có mối quan hệ mật thiết với các dạng văn hóa khác. Các đặc điểm của văn hóa pháp luật có thể kể đến là:

- *Văn hóa pháp luật có tính hệ thống, tính lịch sử*: văn hóa pháp luật bao gồm nhiều yếu tố, nhiều bộ phận và những yếu tố đó luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Văn hóa pháp luật cũng là sự kết tinh sáng tạo của con người qua nhiều thế hệ, nhiều giai đoạn. Do đó, nghiên cứu văn hóa pháp luật luôn phải đặt nó trong sự tác động, ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa truyền thống và hiện đại.

- *Văn hóa pháp luật có tính giá trị*: các giá trị đó có thể bao gồm những giá trị vật chất và tinh thần. Văn hóa pháp luật có những giá trị riêng về công bằng, công lý, tự do, bình đẳng, dân chủ. Văn hóa pháp luật xác lập một hệ thống giá trị pháp luật cho xã hội với các khuôn mẫu ứng xử, chuẩn mực hành vi của con người.

- *Văn hóa pháp luật luôn có tính giao lưu, tính mở*: văn hóa pháp luật của một quốc gia luôn có mối quan hệ tương tác với nền văn hóa pháp luật khu vực và thế giới. Văn hóa pháp luật thể hiện bản sắc riêng của dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa pháp luật của các nước khác trong quá trình mở rộng giao lưu quốc tế.

1.4. Văn hóa pháp luật của luật sư

1.4.1. Khái niệm Luật sư

Ở Việt Nam, Luật Luật sư được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012. Tuy nhiên, chưa có một văn bản nào chính thức định nghĩa thế nào là Luật sư.

Theo Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, “*Luật sư là thành viên đương nhiên của Liên đoàn luật sư, tham gia Liên đoàn thông qua Đoàn luật sư nơi mình gia nhập*”, mà theo Điều 8 quy định về việc gia nhập Đoàn luật sư “*Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư là thành viên của Đoàn luật sư kể từ ngày được gia nhập Đoàn luật sư. Thủ tục gia nhập Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định của Luật luật sư*”.

Do đó, tôi xin đưa ra khái niệm về luật sư như sau: “*Luật sư là người có chứng chỉ hành nghề luật sư do Bộ Tư pháp cấp, gia nhập một Đoàn luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư*”.

1.4.2. Khái niệm văn hóa pháp luật của luật sư

Luật sư là người hoạt động khoa học pháp lý ở vị trí người hướng dẫn pháp luật và đạo lý cho người khác, luôn luôn lấy việc bảo vệ công lý, bảo vệ lẽ phải và công bằng xã hội làm mục tiêu cao quý.

Là người thừa hành pháp luật, am tường các quy định của pháp luật, luật sư phải là người tuân thủ pháp luật, không được trực tiếp hay gián tiếp làm bất cứ những việc gì gây ảnh hưởng bất lợi hoặc khả năng làm ảnh hưởng bất lợi đến tính độc lập, liêm chính và uy tín của luật sư.

Một nguyên tắc cơ bản trong quan hệ luật sư với khách hàng là luật sư phải giữ bí mật thông tin liên quan đến việc đại diện cho khách hàng. Luật sư rất cần sự trung thực của khách hàng.

Văn hóa pháp luật của luật sư thể hiện nhiều trong mối quan hệ giữa luật sư với những đồng nghiệp của mình. Cùng với vai trò là người hướng dẫn pháp luật, vai trò của luật sư cũng không thể thiếu trong hoạt động phản biện. Sức mạnh của luật sư là những lý luận mang tính phản biện.

Để góp phần tạo nên một nét văn hóa riêng của nghề luật sư, mỗi luật sư phải có nhìn nhận đúng mực về nét văn hóa tư pháp nói chung và

phong cách văn hóa pháp luật nói riêng của nghề luật sư cũng như cá nhân người luật sư.

Từ những phân tích nêu trên, tôi xin đưa ra khái niệm về văn hóa pháp luật của luật sư như sau: “*Văn hóa pháp luật của luật sư là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần gắn với hoạt động nghề nghiệp của luật sư; là sự phản ánh đời sống tinh thần, trình độ, năng lực, tri thức, kiến thức, thẩm mỹ... của người luật sư trong quá trình hành nghề cũng như trong các hoạt động liên quan đến pháp luật*”.

1.4.3. Đặc trưng văn hóa pháp luật của Luật sư

Văn hóa pháp luật của luật sư là một bộ phận của văn hóa nói chung và văn hóa pháp luật nói riêng. Vì vậy, nó cũng có đầy đủ những đặc điểm của văn hóa và văn hóa pháp luật. Tuy nhiên, văn hóa pháp luật của luật sư vẫn có những đặc trưng riêng biệt nhằm giúp phân biệt với các loại hình văn hóa pháp luật trong các lĩnh vực khác như văn hóa pháp luật giao thông, văn hóa pháp luật xét xử.... Những đặc trưng chủ yếu có thể kể đến như:

- *Đặc trưng về chủ thể.*

Chủ thể của văn hóa pháp luật của luật sư chỉ hướng tới việc nghiên cứu vấn đề trình độ hiểu biết, thái độ tình cảm, hành vi xử sự của giới luật sư.

Văn hóa pháp luật của luật sư cũng nghiên cứu hệ thống pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư cũng như năng lực, trình độ, đạo đức của các cán bộ nhà nước, cơ quan nhà nước trong việc ban hành các văn bản pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư và áp dụng các văn bản đó.

- *Đặc trưng về khách thể.*

Khách thể của lĩnh vực hành nghề luật sư chính là những lợi ích vật chất mà luật sư đạt được trong quá trình cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng. Tuy nhiên, giá trị vật chất không phải là mục đích duy nhất của luật sư, ngoài mục đích này thì việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng, bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật cũng là mục tiêu quan trọng mà người luật sư muốn hướng tới.

- *Văn hóa pháp luật của luật sư mang tính chất trợ giúp:* Do sự phát triển không đồng đều cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần, bất kỳ xã hội nào trong cộng đồng dân cư cũng tồn tại những người rơi vào vị thế thấp

kém so với mặt bằng xã hội như người nghèo, người già đơn côi, người chưa thành niên mà không có sự đùm bọc của gia đình.

- *Văn hóa pháp luật của luật sư mang tính chất hướng dẫn*: Tính chất nghề nghiệp đòi hỏi luật sư không chỉ thông hiểu pháp luật hiện hành mà còn hiểu biết cả tinh thần, nội dung những quy định của pháp luật ở từng thời điểm của thời gian đã qua.

- *Văn hóa pháp luật của luật sư mang tính chất phản biện*: Tính chất phản biện trong hoạt động của luật sư là những biện luận nhằm phản bác lại lý lẽ, ý kiến quan điểm của người khác mà mình cho là không phù hợp với pháp lý và đạo lý.

1.4.4. Các thành tố của văn hóa pháp luật của Luật sư

Văn hóa pháp luật của luật sư cũng bao gồm ba yếu tố: ý thức pháp luật (bao gồm tri thức pháp luật và thái độ, tình cảm pháp luật), hệ thống pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư và hành vi thực hiện, áp dụng pháp luật.

1.5. Ý nghĩa của văn hóa pháp luật của luật sư trong hoạt động hành nghề luật sư

Trong thời đại ngày nay, văn hóa có vai trò và ý nghĩa đặc biệt, nó “*xuyên suốt cơ thể xã hội*” “*thấm sâu vào tất cả mọi lĩnh vực hoạt động của con người*”. Ý nghĩa của văn hóa pháp luật của luật sư trong hoạt động hành nghề luật sư thể hiện qua những giá trị mà nó mang lại trong lĩnh vực hành nghề luật sư, đó là các giá trị công bằng, bình đẳng, dân chủ, tiến bộ, định hướng và điều chỉnh.

- *Giá trị công bằng, bình đẳng, dân chủ, tiến bộ*: đây là những giá trị chung của nhân loại, là những giá trị mà con người luôn hướng tới, đó không chỉ là giá trị pháp luật mà còn là giá trị xã hội có ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển của con người.

Trong hoạt động hành nghề luật sư cũng không có ngoại lệ, các luật sư tại các Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, hoạt động trong các lĩnh vực hành nghề khác nhau đều có những quyền lợi như nhau trước pháp luật cũng như phải gánh chịu những nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý giống nhau khi thực hiện một hành vi vi phạm pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

- *Giá trị định hướng và điều chỉnh*: Giá trị định hướng của văn hóa pháp luật của luật sư trong hoạt động hành nghề luật sư thể hiện ở chỗ nó định hướng cho hành vi của người luật sư, nên làm gì và không nên làm gì, được quyền làm gì và hành vi nào là bị cấm, hướng họ tới những giá trị tốt đẹp của cái Chân - Thiện - Mỹ.

1.6. Những yếu tố tác động đến văn hóa pháp luật của luật sư

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư

Bản thân hệ thống pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư ở nước ta hiện nay cũng bộc lộ nhiều hạn chế và tiêu cực. Nhìn một cách tổng quát thì những hạn chế nổi cộm hiện nay của hệ thống pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư nước ta là sự chòng chéo trong qui định giữa các văn bản pháp luật.

Thứ hai, nhu cầu của xã hội về dịch vụ pháp lý của luật sư

Trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, nền kinh tế của nước ta ngày càng phát triển, đi với đó là đời sống của người dân được nâng cao, nhu cầu của xã hội đối với các dịch vụ pháp lý của luật sư cũng theo đó mà phát triển hơn, như câu nói thường trực của Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam là “*làm thế nào để xã hội cần luật sư như cần bác sĩ*”. Chính nhu cầu về các dịch vụ pháp lý tăng cao là tác nhân tác động căn bản và mạnh mẽ nhất tới văn hóa pháp luật của luật sư.

Thứ ba, yếu tố dư luận xã hội

Dư luận xã hội là tập hợp các luồng ý kiến cá nhân trước các vấn đề, sự kiện, hiện tượng có tính thời sự. Trước mỗi một vấn đề hoặc sự kiện, cá nhân thường đưa ra ý kiến của mình, nhiều cá nhân cùng đồng tình về một quan điểm hoặc có quá nhiều quan điểm khác nhau đều tạo thành dư luận xã hội.

Thứ tư, nhận thức của xã hội

Ở Việt Nam hiện nay, nghề luật sư đang dần khẳng định được vai trò quan trọng của mình, tuy nhiên trong các văn bản pháp luật cũng như quan niệm của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng và quan niệm của doanh nghiệp, người dân thì vai trò của luật sư chưa được coi trọng xứng với tầm thực tế của luật sư. Đó cũng là một trong những lý do ảnh hưởng đến văn hóa pháp luật của luật sư ở Việt Nam.

1.7. So sánh đặc điểm văn hóa pháp luật của Luật sư với văn hóa pháp luật của Thẩm phán, Kiểm sát viên

Văn hóa pháp luật của thẩm phán là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần gắn với hoạt động của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ, việc thuộc thẩm quyền của Tòa án; là sự phản ánh đời sống tinh thần, trình độ, năng lực, tri thức, kiến thức, thẩm mỹ... của người Thẩm phán.

Văn hóa pháp luật của Kiểm sát viên là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần gắn với hoạt động của Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện quyền công tố, giám sát thực hiện, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; là sự phản ánh đời sống tinh thần, trình độ, năng lực, tri thức, thẩm mỹ của người Kiểm sát viên.

Luật sư, Thẩm phán và Kiểm sát viên đều có nhiệm vụ đối với nhà nước, đó là những người phụ tá của công lý, tham gia vào việc điều hành nền công lý, tuy nhiên bản thân luật sư không phải là người cầm cân công lý như Thẩm phán, không được nhân danh nhà nước thực hiện quyền công tố, giám sát như Kiểm sát viên, mà chỉ là người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp, luật sư có nhiệm vụ giúp cho người cầm cân công lý (Thẩm phán, Hội đồng xét xử) làm sao bảo đảm cho công lý luôn được thể hiện sáng tỏ, tức là góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Chương 2

THỰC TRẠNG VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM

2.1. Tình hình văn hóa pháp luật của Luật sư ở Việt Nam

Ở Việt Nam hiện nay, nghề luật sư đang dần khẳng định được vai trò quan trọng, tuy nhiên trong các văn bản pháp lý, cũng như quan niệm của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng và quan niệm của doanh nghiệp, của người dân thì vai trò của Luật sư chưa được coi trọng xứng với tầm thực tế của Luật sư. Đó cũng là một trong những lý do ảnh hưởng đến văn hóa nghề nghiệp của luật sư Việt Nam.

Bên cạnh đó, các luật sư cũng đã tham gia tích cực vào hoạt động trợ

giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng thuộc diện chính sách. Việc tham gia vào hoạt động này không chỉ thực hiện một cam kết mang tính chất nghĩa vụ của luật sư đối với xã hội mà còn góp phần tạo lập sự công bằng cho các đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý, thể hiện trách nhiệm của luật sư đối với cộng đồng xã hội.

Trình độ hiểu biết pháp luật nói chung của đội ngũ luật sư những năm gần đây đã được nâng cao đáng kể (96,95% số luật sư có trình độ cử nhân luật trở lên; 65,8% số luật sư đã qua đào tạo nghề luật sư).

Song, trên thực tế, Luật sư muốn hoàn thành công việc bào chữa cho khách hàng của mình, tham gia đầy đủ trong các giai đoạn tố tụng đã gặp rất nhiều khó khăn từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng tạo ra. Do đó, có nhiều Luật sư phải chọn “con đường phụ” chỉ để được gặp khách hàng của mình. Điều này, đã vi phạm “Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan Nhà nước khác” theo Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Luật sư.

Tính chất phản biện trong hoạt động của luật sư, thông thường thể hiện ở lĩnh vực tham gia tố tụng. Điều này là cơ sở pháp lý bảo đảm tính chất phản biện của luật sư trong hoạt động tham gia tố tụng hình sự.

2.2. Thực trạng các giá trị vật thể về văn hóa pháp luật của Luật sư trong hoạt động hành nghề.

2.2.1. Hệ thống pháp luật về luật sư và những quy định về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam

Ở Việt Nam, từ năm 1930 trở về trước, người Pháp chiếm độc quyền trong hành nghề luật sư. Ngày 25 tháng 5 năm 1930, toàn quyền Pháp ký Sắc lệnh tổ chức Luật sư đoàn ở Hà Nội, Sài Gòn và Đà Nẵng.

Thời kỳ độc lập sau năm 1945: Ngày 10 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 46/SL về tổ chức các Đoàn luật sư trong nước.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, Việt Nam bị chia cắt hai miền với hai chế độ khác nhau: miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam còn trong vòng kiểm tỏa của đế quốc Mỹ. Ở miền Bắc, ngày 31 tháng 12 năm 1958, Quốc hội thông qua Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp thứ hai), trong đó điều 101 quy định: “Việc xét xử tại các Tòa án nhân dân đều công khai, trừ trường hợp đặc biệt do luật định.

Thời kỳ sau khi thống nhất đất nước: Năm 1975 đất nước thống nhất, nghề luật sư Việt Nam, vì nhiều lý do nên chưa tổ chức lại nhưng đến ngày 18 tháng 12 năm 1980, Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua; quyền tự do dân chủ của công dân được khẳng định trong Hiến pháp, trong đó có điều 133 ghi nhận: “Tòa án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp do luật định. Quyền bào chữa được bảo đảm. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị can, bị cáo và các đương sự khác về mặt pháp lý”.

Tại Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, được sự đồng ý của Bộ Tư Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1984 đã ra Quyết định về tổ chức thành lập Đoàn luật sư Hà Nội. Ngày 18 tháng 12 năm 1987, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh Tổ chức Luật sư.

Ngày 15 tháng 4 năm 1992, Quốc hội thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền bào chữa của luật sư được khẳng định. Điều 132: “...*Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa*”.

Ngày 25 tháng 7 năm 2001, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh số 37/2001/PL-UBTVQH10.

Đến ngày 29 tháng 6 năm 2006, Quốc hội ban hành Luật luật sư. Với luật này, nghề luật sư được mở rộng hơn, đánh dấu bước phát triển mới trong lịch sử phát triển nghề luật sư.

Tuy nhiên, để đáp ứng với tình hình thực tế phát triển và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước, năm 2013 Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư 2006 với những điểm mới tiến bộ hơn Luật Luật sư 2006,

Bên cạnh hệ thống pháp luật về luật sư, lần đầu tiên giới luật sư Việt Nam có một Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư do Liên đoàn luật sư Việt Nam ban hành năm 2011 gồm 6 chương và 27 quy tắc.

2.2.2. Cách thức tổ chức một tổ chức hành nghề luật sư.

Tổ chức hành nghề luật sư bao gồm văn phòng luật sư và công ty luật, được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Luật sư

năm 2006 và Luật Luật sư sửa đổi, bổ sung năm 2012 và các quy định pháp luật có liên quan (Luật Doanh nghiệp, Luật bảo hiểm...).

a) Nhân sự

b) Cơ sở vật chất

- Địa điểm văn phòng:

- Trang thiết bị văn phòng:

2.2.3. Trang phục luật sư.

Trang phục là vẻ mỹ quan bên ngoài khi tiếp xúc giữa con người với con người. Trang phục của Luật sư rất quan trọng khi tiếp xúc với khách hàng, với cơ quan Nhà nước, và đặc biệt quan trọng trong vai trò của người phản biện. Do đó, Luật sư phải lựa chọn trang phục sao cho phù hợp với từng ngữ cảnh xuất hiện, phù hợp với từng đối tượng tiếp xúc.

Tóm lại, nghề luật sư ở Việt Nam hiện nay cũng còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, do đó cũng thiếu thốn tính trang nghiêm, chưa đủ để tạo ra một nét văn hóa riêng trong nghề luật sư.

2.3. Thực trạng các giá trị phi vật thể về văn hóa pháp luật của Luật sư trong hoạt động hành nghề

Các luật sư và những người tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa không chỉ làm tốt chức năng trong khuôn khổ luật định, mà còn đặt ra nhiều vấn đề pháp lý gây tranh cãi sôi nổi trong quá trình tranh tụng, đóng góp hoàn thiện pháp luật, thể hiện được một nét đặc sắc của văn hóa pháp đình.

Tuy nhiên, thực tế quá trình hình thành và phát triển nghề luật sư ở Việt Nam từ sau khi giành được chính quyền năm 1945 gặp rất nhiều trở ngại khách quan và chủ quan, trong đó phải kể đến trong một thời gian dài, chúng ta chưa thật sự quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ những người hành nghề luật có đủ tố chất nội lực về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, cũng như tầm vóc về mặt văn hóa pháp luật của luật sư ngang tầm với đòi hỏi của xã hội. Một trong những nguyên nhân của thực trạng chưa bảo đảm tính văn hóa pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp xuất phát từ địa vị pháp lý của luật sư chỉ được xác định là “người tham gia tố tụng”, hoạt động trong lĩnh vực được xã hội quan niệm là “bổ trợ tư pháp”, nên không có được tư cách độc lập

trong hành nghề, có nhiều hạn chế, bất lợi trong việc tham gia tư vấn và tranh tụng bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho khách hàng.

Có thể nói, đã có một “lỗ hổng” lớn trong ứng xử văn hóa nghề nghiệp luật sư không chỉ bởi thiếu tính chuyên nghiệp, mà còn do gốc rễ nằm trong quan niệm chưa đúng về chức năng xã hội của luật sư, một số luật sư còn nặng chạy theo dịch vụ, xa rời các chuẩn mực pháp lý, đạo đức và kỷ luật nghề nghiệp...

Nhìn từ góc độ xã hội, quan niệm về thiên chức nghề nghiệp luật sư còn rất phân tán, trong đó chưa tạo dựng được hình ảnh của người luật sư trong chế độ ta như một người dân thân vì nghĩa cử, phụng sự cho sự phát triển của xã hội. Các giá trị văn hóa nghề nghiệp chưa được định hình một cách rõ nét, chưa trở thành điểm tựa, nền tảng vững chắc cho mục tiêu cao cả của nghề luật sư. Hơn nữa, luật sư là người hành nghề chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, có hiểu biết pháp luật nên trước hết phải gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật.

2.3. Thực trạng văn hóa pháp luật của Luật sư ở một số quốc gia.

Trên thế giới, tùy vào chế độ chính trị, điều kiện kinh tế, truyền thống pháp lý, nền tư pháp và nhu cầu dịch vụ pháp lý... của từng quốc gia, từng khu vực mà có sự khác nhau về vị thế, vai trò của Luật sư. Tuy nhiên là một nhân tố tích cực và vô cùng quan trọng của trào lưu giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột, hoạt động vì con người ... nên có những giá trị chung, phổ quát về vị thế, vai trò của Luật sư. Vị thế vai trò được thừa nhận chung của Luật sư là bảo vệ, bảo đảm công lý; bảo vệ con người với những giá trị cao đẹp của nó. Hoạt động của Luật sư góp phần đắc lực duy trì trật tự và phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội...

Bên cạnh những giá trị chung về vị thế và vai trò như vậy việc tôn trọng và thừa nhận chúng trong từng quốc gia và khu vực là không đồng nhất. Sự không đồng nhất trước hết bị chi phối bởi chế độ tư pháp. Có hai loại tư pháp chủ yếu hiện nay là nền tư pháp tranh tụng và nền tư pháp thẩm vấn (truy xét, xét hỏi...), ngoài ra còn có nền tư pháp XHCN, tư pháp Hồi giáo (chỉ có tồn tại trong một số ít quốc gia)

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA PHÁP LUẬT CỦA LUẬT SƯ Ở NƯỚC TƯ HIỆN NAY

3.1. Quan điểm xây dựng văn hóa pháp luật của Luật sư

3.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp

Việc hoàn thiện về tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của luật sư Việt Nam hiện nay trong tiến trình cải cách tư pháp phải hướng đến phát triển và củng cố một đội ngũ luật sư chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, trung thực tôn trọng sự thật khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp của mình.

3.1.2. Yêu cầu thực tiễn hành nghề luật sư

Theo Luật Luật sư 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư đã mở rộng hơn phạm vi hành nghề luật sư với việc quy định luật sư được đại diện ngoài tổ tụng cho khách hàng.

Tham gia tố tụng là lĩnh vực hành nghề chủ yếu của các luật sư hiện nay. Trong thời gian qua, các luật sư đã tham gia giải quyết hàng trăm nghìn vụ án. Vai trò của luật sư trong quá trình tham gia tố tụng đã có những bước phát triển về chất.

Tư vấn pháp luật là lĩnh vực hành nghề quan trọng của luật sư, đặc biệt trong điều kiện nhu cầu về tư vấn pháp luật trong xã hội ngày càng tăng nhanh.

Bên cạnh đó, các luật sư cũng đã tham gia tích cực vào hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng thuộc diện chính sách.

Để làm tốt được các hoạt động trên để thực hiện chức năng xã hội của mình, đòi hỏi luật sư phải có trình độ chuyên môn cao và ý thức đạo đức nghề nghiệp cũng như văn hóa pháp luật. Hoạt động của luật sư cần bảo đảm sao cho tính chất phản biện của mình có khoảng cách rõ nét không để lẫn lộn với ngụy biện. Đó cũng là nền tảng của văn hóa pháp luật của luật sư.

Để tạo vị thế của Luật sư với xã hội và niềm tin của khách hàng, Luật sư phải có nghĩa vụ tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng, nếu không được khách hàng đồng ý, không được tự giao việc mình đã nhận cho người khác làm thay.

Văn hóa pháp luật của luật sư còn được thể hiện thông qua cách ứng xử của luật sư đối với những đồng nghiệp của mình.

Nghề luật sư là một nghề đặc thù, đòi hỏi người hành nghề phải có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và những hiểu biết xã hội.

Mỗi Luật sư phải ý thức được sứ mệnh của mình, biết giữ gìn phẩm giá và danh dự nghề nghiệp. Tạo niềm tin và sự kính trọng trước tiên từ khách hàng, từ đó tôn vinh nghề Luật sư.

3.1.3. Yêu cầu hội nhập quốc tế

Để đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế, **Nghị quyết số 07-NQ/TW** do Bộ Chính trị ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2001 đã nêu một số nhiệm vụ cụ thể về hội nhập kinh tế quốc tế. Triển khai thực hiện nghị quyết trên, Chính phủ đã ban hành **Quyết định số 137/2003/QĐ-TTg** ngày 11 tháng 7 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003 -2010. Tiếp theo các văn bản trên, tại **Nghị quyết 49-NQ/TW**, Đoạn 2 mục 2.6 Bộ Chính trị đã chỉ đạo nhiệm vụ của công tác đào tạo là: *“Đào tạo đủ số lượng cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực”*.

Đặc biệt, sau khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO ngày 7/11/2006 và tham gia tích cực hơn vào đời sống chính trị thế giới, Việt Nam đang đứng trước rất nhiều cơ hội và thách thức để hội nhập kinh tế - quốc tế. Điều đó đòi hỏi bộ máy tư pháp phải có nhiều đổi mới, có sự chuẩn bị đầy đủ, khẩn trương về hệ thống pháp luật, cơ sở vật chất và đặc biệt là sự chuẩn bị về nhân tố con người. Để đạt được mục tiêu đó, đào tạo phải có khâu then chốt, có tính chất đột phá.

Thực hiện Nghị quyết 49-NQ-TW nêu trên, đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn luật sư để góp phần giải quyết các thách thức đối với công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 14/5/2008 Thủ tướng Chính Phủ đã ký quyết định số **544/QĐ-TTg** về việc phê duyệt đề án đào tạo chuyên gia pháp luật, luật sư phục vụ yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2008-2010.

3.2. Những giải pháp cơ bản xây dựng văn hóa pháp luật của Luật sư.

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về luật sư

Việc hoàn thiện pháp luật về luật sư trong hoạt động tư vấn, tham gia tố tụng và các dịch vụ pháp lý khác...; tăng cường giám sát hoạt động của các tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

Cần xây dựng điều khoản mới về tội danh xâm phạm quyền bào chữa và nhờ người khác bào chữa của công dân trong Bộ luật Hình sự; sửa đổi và bổ sung một số quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự về tư cách tham gia tố tụng của luật sư, thời điểm tham gia bào chữa, việc tiếp xúc bị can, bị cáo trong trại tạm giam, quyền điều tra và thu thập chứng cứ, cũng như một số hoạt động nghề nghiệp khác của luật sư; hoàn thiện quy định để từng bước mở rộng tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo quyền bào chữa của luật sư được thể hiện một cách thực chất.

Ngoài ra, tôi cũng xin đưa ra một số giải pháp cụ thể để hoàn thiện hệ thống pháp luật về luật sư:

Một là, thể chế hóa chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, kết hợp giữa quản lý hành chính tư pháp với tăng cường tính tự quản của tổ chức nghề nghiệp luật sư, bảo đảm tranh tụng dân chủ tại phiên tòa, phát triển và kiện toàn đội ngũ luật sư.

Hai là, phải tạo được môi trường pháp lý rộng rãi cho tổ chức và hoạt động luật sư phát triển, đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu tư vấn pháp luật của nền kinh tế thị trường, phát huy dân chủ, bảo vệ công lý và công bằng xã hội.

Ba là, phải hướng đến việc xây dựng chế độ độc quyền cho hoạt động luật sư chuyên nghiệp, xây dựng ngành nghề dịch vụ pháp lý trong nền kinh tế thị trường, lấy nghề luật sư làm trọng tâm, tạo ra định hướng cho sự phát triển của thị trường dịch vụ pháp lý.

Bốn là, phải xây dựng được phạm vi và lộ trình hoàn thiện pháp luật về luật sư từ nay đến năm 2020, thiết kế mô hình quản lý luật sư phù hợp đặc điểm của Việt Nam.

Năm là, cần thúc đẩy sự phát triển đồng đều hoạt động luật sư tại các vùng, địa phương trong cả nước, đồng thời chú ý rút ngắn khoảng cách về

nhu cầu thụ hưởng dịch vụ pháp lý và mức độ phát triển nghề luật sư ở một số vùng miền núi, dân tộc thiểu số.

Sáu là, cần quán triệt đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế và tạo môi trường hợp tác quốc tế trong hoạt động luật sư.

3.2.2. Xây dựng ý thức pháp luật, ý thức đạo đức cho luật sư

Ý thức pháp luật, ý thức đạo đức của luật sư là nhân tố không thể thiếu trong đời sống pháp luật của xã hội, trong hoạt động hành nghề của luật sư, đặc biệt là trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền. Ý thức pháp luật và ý thức đạo đức của luật sư có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có các văn bản pháp luật liên quan đến luật sư và hành nghề luật sư.

Từ những phân tích trên, tôi xin đưa ra một số giải pháp để nâng cao ý thức pháp luật, ý thức đạo đức cho luật sư như sau:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật;
- Nâng cao vai trò và vị thế của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương trong đời sống xã hội cũng như các hoạt động chính trị, văn hóa, kinh tế - xã hội của đất nước;
- Trong tình hình phát triển mới, đòi hỏi một mặt phải phát huy tính tự chủ, năng động của luật sư, nhưng đồng thời phải tăng cường sự quản lý với các luật sư;
- Đối với cá nhân mỗi luật sư (kể cả người mới vào nghề và các luật sư đã hành nghề lâu năm) cần nâng cao tinh thần yêu nghề, không ngừng rèn luyện kỹ năng hành nghề, lấy quy tắc đạo đức ứng xử nghề nghiệp luật sư làm chuẩn mực khi hành nghề.
- Trong chương trình khung đào tạo nghề luật sư, ngoài việc chú trọng đến kỹ năng nghề nghiệp còn phải chú trọng việc rèn luyện đạo đức, cách ứng xử của luật sư trong những tình huống cụ thể.

3.2.3. Xây dựng bản lĩnh nghề nghiệp luật sư trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân

Nhiệm vụ của luật sư là góp phần bảo vệ pháp quyền bằng việc hướng dẫn cho khách hàng hiểu biết và thi hành đúng pháp luật, phục vụ công lý, bảo vệ những quyền của công dân đã được Hiến pháp và pháp luật quy định...

Trong điều kiện kinh tế - xã hội nước ta hiện nay, với số lượng gần 10.000 luật sư nhưng nhu cầu về dịch vụ pháp lý còn rất hạn chế, nên không tránh khỏi tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, bên cạnh đó có một số thẩm phán bị suy thoái về mặt đạo đức nên không chống lại được sự cám dỗ về mặt vật chất, dẫn đến việc chạy án, làm sai lệch bản chất vụ việc, dẫn đến xử oan, xử sai.

Từ thực trạng trên, nhu cầu cấp bách đặt ra là đội ngũ Luật sư cần phải có bản lĩnh nghề nghiệp luật sư để có thể tránh xa những cám dỗ, đủ trình độ năng lực chuyên môn để đảm bảo quyền hành nghề hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật, từ đó mới bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

3.2.4. Giáo dục ý thức chính trị, tư tưởng cho Luật sư

Đây là một trong những nhiệm vụ, giải pháp cơ bản trọng tâm để xây dựng đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sạch, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành với Tổ quốc, với chế độ.

3.2.4. Một số giải pháp cụ thể khác

Một là, cần quan tâm nâng cao nhận thức sâu sắc về chức năng xã hội của luật sư và thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới quá trình đào tạo nghề nghiệp luật sư theo quy trình và phạm vi thích hợp, bồi dưỡng, giáo dục về chính trị, đạo đức và văn hóa nghề nghiệp cho luật sư.

Hai là, cần xây dựng hệ thống các tiêu chí và giá trị văn hóa nghề nghiệp luật sư, đảm bảo cho các tổ chức hành nghề luật sư và mỗi luật sư hoạt động có hiệu quả, phù hợp với chức năng xã hội của luật sư.

Ba là, với sự chuyên hóa các giá trị văn hóa nghề nghiệp luật sư thành phẩm chất sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, mỗi luật sư sẽ tự trang bị cho mình những hành trang bước vào đời sống với tư cách là những chủ thể thực hiện và sáng tạo pháp luật.

Bốn là, cần quan tâm việc tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam và thiết kế mô hình quản lý nghề nghiệp luật sư phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Ở Việt Nam hiện nay, nghề luật sư đang dần khẳng định được vai trò quan trọng, tuy nhiên trong các văn bản pháp lý cũng như quan niệm của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng và quan niệm của doanh nghiệp, người dân thì vai trò của luật sư chưa được coi trọng xứng với tầm thực tế của luật sư. Đó cũng là một trong những lý do ảnh hưởng đến đạo đức và văn hóa nghề nghiệp của luật sư Việt Nam.

Việc xây dựng và phát huy một nét văn hóa đặc trưng của luật sư – văn hóa pháp luật của luật sư thì mỗi luật sư và cả những người tập sự hành nghề luật sư phải có cái nhìn đúng mực về nét văn hóa tư pháp nói chung và văn hóa pháp luật của luật sư nói chung.

Bên cạnh đó nhà nước cần quan tâm hơn nữa đối với nghề luật sư chẳng hạn như: Luật hóa văn hóa tư pháp nói chung văn hóa nghề nghiệp luật sư nói riêng nhằm nâng cao vị thế của luật sư trong xã hội. Trong các giải pháp hoàn thiện lực lượng bổ trợ tư pháp, việc đào tạo nghề luật sư cần được chú trọng, quan tâm hơn, cũng như nên bố trí thêm thời gian, nội dung để các học viên học về đạo đức và văn hóa của nghề nghiệp luật sư. Từ đó mới hình thành một đội ngũ luật sư thật sự có đạo đức, văn hóa và tài giỏi, đương đầu với những vi phạm, tranh chấp tiềm ẩn trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.